TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 01 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân, ông Quàng Văn Tiện

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo quyết định xét xử số: 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị P, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Bản Lọng Ngh, xã Nậm T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Chá Nỏ D, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Bản Lọng Ngh, xã Nậm T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2025, bản tự khai và quá trình tố tụng chị Giàng Thị P trình bày:

Chị và anh Chá Nỏ D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng chị và anh D không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống hai vợ chồng khác nhau, anh D hay chửi bới đánh đập chị. Chị và anh D đã sống ly thân được một thời gian, không quan tâm tới cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3- Sơn La xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chá Nỏ D.

Về con chung: Chị và anh Chá Nỏ D có với nhau có 02 con chung là Chá Thị S, sinh ngày 13/02/2013 và cháu Giàng Mùa Ch, sinh ngày 08/8/2024. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung là cháu Chá Thị S đến tuổi trưởng thành, đối với cháu Giàng Mùa Ch giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2025 bị đơn anh Chá Nỏ D trình bày: Anh thừa nhận việc anh và chị P chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn, hai vợ chồng có 02 người con. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, tính cách khác nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh và chị P đã sống ly thân với nhau được hơn một năm nay và không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau nữa. Nay chị P có yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh, anh hoàn toàn đồng ý. Về nợ chung anh khai không có; Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Sơn La phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Pháp luật và các thủ tục. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Các Điều 15; 16; 53; 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị P và anh Chá Nỏ D là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Chá Thị S, sinh ngày 13/02/2013 cho chị Giàng Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Giao cháu Giàng Mùa Ch, sinh ngày 08/8/2024 cho anh Chá Nỏ D được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục

đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị P và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung: Không kê khai, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Giàng Thị P được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền tố tụng: Chị Giàng Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Chá Nỏ D đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Chá Nỏ D có nơi cư trú tại xã Nậm T, tỉnh Sơn La, do vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La thụ lý, giải quyết là đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị P và anh Chá Nỏ D chung sống với nhau từ năm 2014, trong quá trình chung sống anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn là trái quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh D không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Pháp luật. Nay chị P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh D. Tại bản tự khai anh D nhất trí với yêu cầu của chị P do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng ngày càng xa cách, anh và chị P không thể cùng nhau vun vén, xây dựng hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị Giàng Thị P và anh Chá Nỏ D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ chị Giàng Thị P đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Chá Thị S, sinh ngày 13/02/2013 đến tuổi trưởng thành, anh Chá Nỏ D đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Giàng Mùa Ch, sinh ngày 08/8/2024 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Xét thấy kể từ khi chị P và anh D sống ly thân con chung là cháu Chá Thị S ở cùng chị P, cháu Giàng Mùa Ch ở cùng anh D. Các con chung của anh chị đều được chăm lo ăn học đầy đủ. Do vậy để đảm bảo mọi quyền lợi cho các cháu, để cháu phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của các cháu và yêu cầu của chị P, anh D cần chấp nhận yêu cầu của anh chị là tiếp tục giao con chung là cháu Chá Thị S cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung Chá Mùa Ch cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị P và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau do không có người yêu cầu. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có nợ chung, tài sản chung không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Giàng Thị P là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí được Tòa án chấp nhận nên được miễn toàn bộ án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Các Điều 15; 16; 53; 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị P và anh Chá Nỏ D.

2. Về con chung:

- Giao cháu Chá Thị S, sinh ngày 13/02/2013 cho chị Giàng Thị P trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Giao cháu Giàng Mùa Ch, sinh ngày 08/8/2024 cho anh Chá Nỏ D trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Giàng Thị P và anh Chá Nỏ D có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Chá Nỏ D và chị Giàng Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị P được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát khu vực 3- Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 3- Sơn La;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm T;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lô Văn Long